TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN Ý YÊN** **TỈNH NAM ĐỊNH**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 38/2022/HNGĐ-ST
Ngày 14 - 7 - 2022
V/v Ly hôn giữa chị P, anh H.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN Ý YÊN TỈNH NAM ĐỊNH

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ toạ phên toà: Ông Vũ Văn Anh.
Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Trọng Tảo.
Bà Trương Thị Dung.

Thư ký phên tòa: Ông Trần Mạnh Thắng - Thư ký Toà án nhân dân huyện Ý Yên, tỉnh Nam Định.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Ý Yên tham gia phên tòa: Bà Nguyễn Thị Diệu Thu - Kiểm sát viên.

Ngày 14/7/2022, tại Trụ sở Toà án nhân dân huyện Ý Yên xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 62/2022/TLST-HNGĐ ngày 09 tháng 5 năm 2022 về việc: "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 62/2022/QĐXXST - HNGĐ ngày 29 tháng 6 năm 2022 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Trần Thị P - Sinh năm: 1993.

Bị đơn: Anh Trần Đình H - Sinh năm 1991.

Cùng địa chỉ: Thôn A, xã B, huyện C, tỉnh Nam Định.

(Có mặt anh H, chị P xin vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Trong đơn khởi kiện, bản tự khai nguyên đơn chị Trần Thị P trình bày:

Chị và anh Trần Đình H kết hôn với nhau vào năm 2013, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã B, huyện C, tỉnh Nam Định trên cơ sở tự nguyện. Sau khi kết hôn, anh chị chung sống hạnh phúc được thời gian gần đây thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn chủ yếu do do hai bên không tìm được tiếng nói chung, thường xuyên bất đồng quan điểm dẫn đến đời sống chung luôn căng thẳng. Năm 2021 chị đã làm đơn xin ly hôn anh H tại Tòa án nhân dân huyện Ý Yên. Tuy nhiên để có cơ hội cho anh chị thay đổi nên chị đã rút đơn xin đoàn tụ nhưng từ đó đến nay tình trạng mâu thuẫn giữa anh chị vẫn không được cải thiện, anh chị vẫn có những mâu thuẫn, bất đồng khiến cuộc sống hôn nhân không có hạnh phúc. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, chị xin ly hôn anh H.

Về con chung: Chị và anh H có 04 con chung là Trần Thu O và Trần Thu Ph cùng sinh ngày 15/3/2014, Trần Anh Đại P, sinh ngày 15/9/2016 và Trần Minh H1,

sinh ngày 03/9/2018. Chị có nguyện vọng được nuôi cháu O, cháu Ph, để anh H nuôi cháu P, cháu H1. Không ai phải cấp dưỡng nuôi con chung. Sau đó chị P có ý kiến nếu cháu O và cháu Ph mà có nguyện vọng xin được ở cùng anh H thì chị cũng nhất trí tôn trọng với nguyện vọng của các con, chị xin được xin nuôi hai con nhỏ là cháu P và cháu H1, để anh H nuôi dưỡng cháu O, cháu Ph. Không ai phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung và các vấn đề khác trong quan hệ hôn nhân: Chị P không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Trong bản tự khai ngày 01/6/2022, Biên bản kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ ngày 09/6/2022 bị đơn anh Trần Đình H trình bày:

Về thời gian và điều kiện kết hôn, anh H trình bày phù hợp với lời khai của chị P. Sau khi kết hôn anh chị chung sống hạnh phúc đến tháng 6/2021 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do anh ham chơi khiến vợ chồng cãi nhau, trong lúc nóng giận anh không kiềm chế được đã tát chị P hai, ba cái. Sau đó chị P đã làm đơn xin ly hôn tại Tòa án nhân dân huyện Ý Yên rồi rút đơn, Tòa án đã đình chỉ giải quyết vụ án. Đến ngày 01/4/2022 chị P nhắn tin với người khác giới và đòi ly hôn anh. Anh chị sống ly thân nhau từ ngày 03/5/2022 đến nay. Hiện nay anh vẫn còn tình cảm với chị P nên không đồng ý ly hôn chị P, mong muốn vợ chồng được đoàn tụ để nuôi dạy con cái.

Về con chung: Anh xác nhận anh và chị P có 04 con chung như chị P đã trình bày. Anh đề nghị anh nuôi cháu P, cháu Huy, để chị P nuôi cháu O, cháu Ph. Không ai phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung và các vấn đề khác có liên quan trong quan hệ hôn nhân: Anh H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Toà án đã mở pên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hoà giải, chị P có đơn xin vắng mặt và đề nghị không tiến hành hòa giải. Tòa án đã thông báo kết quả pên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ cho các đương sự và ra Quyết định đưa vụ án ra xét xử.

Tại pên tòa: Anh H giữ nguyên quan điểm về tình cảm và về tài sản chung và các vấn đề khác có liên quan trong quan hệ hôn nhân; Về con chung anh H có ý kiến xin được nuôi cháu P, cháu H1. Còn cháu O, cháu Ph Hội đồng xét xử hỏi ý kiến của cháu nếu cháu O, cháu Ph có nguyện vọng xin được ở với ai anh cũng đồng ý.

Cháu Trần Thu O và Trần Thu Ph có ý kiến xin ở với anh Trần Đình H.

Chị P có đơn xin xét xử vắng mặt. Chủ tọa pên tòa công bố tóm tắt nội dung vụ án và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tham gia pên tòa có quan điểm:

Về tố tụng: Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước khi Hội đồng xét xử nghị án đã tuân theo đúng quy định của pháp luật. Việc tuân theo pháp luật của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án

cho đến trước khi Hội đồng xét xử nghị án: Chị P, anh H đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng.

Về nội dung:

- Về tình cảm: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 51, 56 Luật hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị P.

- Về con chung: Đề nghị áp dụng Điều 81, 82 Luật hôn nhân và gia đình giao cháu Trần Thu O, Trần Thu Ph cùng sinh ngày 15/3/2014 cho anh H trực tiếp nuôi dưỡng. Giao cháu Trần Anh Đại P, sinh ngày 15/9/2016, Trần Minh H1, sinh ngày 03/9/2018 cho chị P trực tiếp nuôi dưỡng. Không ai phải cấp dưỡng nuôi con chung.

- Về tài sản chung và các vấn đề khác có liên quan trong quan hệ hôn nhân: Chị P, anh H không yêu cầu giải quyết.

- Chị P có nghĩa vụ phải nộp án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại pên toà. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Việc vắng mặt của nguyên đơn, trong quá trình giải quyết vụ án chị Trần Thị P đề nghị xin xét xử vắng mặt. Vì vậy, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đối với nguyên đơn theo quy định tại các Điều 227, 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Hôn nhân giữa chị Trần Thị P và anh Trần Đình H là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn anh chị chung sống hạnh phúc đến năm 2021 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, tính tình không hợp nhau, không tìm được tiếng nói chung trong cuộc sống. Anh chị đã sống ly thân từ ngày 03/5/2022 đến nay. Chị P xác định tình cảm vợ chồng không còn nên đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh H.

Về phía anh H, anh cũng tự nhận thấy lỗi của bản thân ham chơi khiến vợ chồng cãi nhau, trong lúc nóng giận anh không kiềm chế được đã tát chị P hai, ba cái. Chị P đã 01 lần xin ly hôn anh nhưng sau đó rút đơn, ngày 01/4/2022 chị P nhắn tin qua lại với người khác giới và đòi ly hôn anh nên anh chị đã xảy ra cãi vã… Anh H có quan điểm không đồng ý ly hôn, mong muốn vợ chồng được đoàn tụ cùng nuôi dạy con cái. Tuy nhiên, anh H cũng không có biện pháp gì để làm thay đổi tình trạng hôn nhân của mình, chị P vẫn kiên quyết đề nghị Toà án giải quyết xin ly hôn anh H nên Tòa án không thể gắn kết hạnh phúc cho anh, chị được. Xét thấy anh, chị đã mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không có, mục đích của hôn nhân không đạt được nên cần chấp nhận đơn của chị P, xử cho anh, chị ly hôn là phù hợp với quy định tại Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[3] Về con chung: Chị P, anh H có 04 con chung là Trần Thu O, Trần Thu Ph cùng sinh ngày 15/3/2014, Trần Anh Đại P, sinh ngày 15/9/2016 và Trần Minh H1, sinh ngày 03/9/2018. Xét thấy, việc chăm sóc, nuôi dạy con chung chưa thành niên là trách nhiệm, nghĩa vụ, là quyền lợi của cha mẹ nên nguyện vọng xin được nuôi dưỡng con chung của chị P, anh H đều là nguyện vọng chính đáng. Anh H có lời

khai anh là lao động tự do có mức thu nhập khoảng từ 05-10 triệu đồng/01 tháng, còn chị P có mức thu nhập khoảng 05 triệu đồng/01 tháng. Chị P có lời khai hiện nay chị và anh H đều làm nghề tự do, mức thu nhập của chị hàng tháng được khoảng 05 triệu đồng, còn mức thu nhập của anh H mỗi tháng được khoảng từ 05-07 triệu đồng.

Cháu Trần Thu O và Trần Thu Ph có ý kiến xin được ở với anh H, anh H nhất trí nuôi dưỡng cháu O và cháu Ph và xin nuôi dưỡng cả 04 con chung. Chị P có ý kiến nếu cháu O và cháu Ph mà có nguyện vọng xin được ở cùng anh H thì chị cũng nhất trí tôn trọng với nguyện vọng của các con, chị xin được xin nuôi hai con nhỏ là cháu P và cháu H1, để anh H nuôi dưỡng cháu O, cháu Ph. Không ai phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Hội đồng xét xử xét thấy chị P và anh H hiện nay đều có điều kiện để chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung, hơn nữa nguyện vọng của chị P xin được nuôi dưỡng Trần Anh Đại P, sinh ngày 15/9/2016, Trần Minh H1, sinh ngày 03/9/2018 hiện nay còn nhỏ. Để san sẻ trách nhiệm của anh chị với con chung, để đảm bảo quyền lợi mọi mặt của con chung, Hội đồng xét xử thấy cần giao con chung cháu Trần Anh Đại P, Trần Minh H1 cho chị P trực tiếp nuôi dưỡng. Giao con chung cháu Trần Thu O, Trần Thu Ph cho anh H trực tiếp nuôi dưỡng. Không ai phải cấp dưỡng nuôi con chung là phù hợp theo quy định tại các Điều 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[4] Về tài sản chung và các vấn đề khác trong quan hệ hôn nhân: Chị P, anh H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[5] Về án phí: Chị P phải chịu theo quy định của pháp luật.

[6] Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của Điều 271, 272 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 51, 56, 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Điều 147, Điều 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Xử ly hôn giữa chị Trần Thị P và anh Trần Đình H.

2. Về con chung: Giao con chung Trần Anh Đại P, sinh ngày 15/9/2016, Trần Minh H1, sinh ngày 03/9/2018 cho chị P trực tiếp nuôi dưỡng. Giao con chung Trần Thu O, sinh ngày 15/3/2014, Trần Thu Ph, sinh ngày 15/3/2014 cho anh H trực tiếp nuôi dưỡng. Không ai phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Chị P, anh H có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở, nhưng không được lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

3. Án phí dân sự sơ thẩm: Chị Trần Thị P phải nộp 300.000 đồng, đối trừ tại Biên lai thu số 0003604 ngày 09/5/2022 của Chi cục Thi hành án Dân sự huyện Ý Yên, chị P đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

4. Quyền kháng cáo: Anh H được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Chị P quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết.

Trong trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án có quyền thoả thuận thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi Hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND Tỉnh;
- VKSND Tỉnh+Huyện;
- Chi cục Thi hành án dân sự;
- Các đương sự;
- UBND xã A, huyện B;
- Hồ sơ vụ án;
- Lưu VP.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PÊN TÒA

(đã ký)

Vũ Văn Anh